

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel
2. Ông Nguyễn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án án dân sự thụ lý số: 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Ngọc D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: đường N, Khóm 4, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú:, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái T, (vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 4, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thái T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ngày 12/9/2018. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T không chăm lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Đến tháng 06 năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên gay gắt, bà D và ông T không còn sống chung như vợ chồng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Mai Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thái T có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thái Trung N (giới tính: Nam) sinh ngày 03/12/2018. Hiện nay cháu N đang sống cùng bà D.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thái T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Mai Thị Ngọc D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Trung N (giới tính: Nam) sinh ngày 03/12/2018, không yêu cầu ông Nguyễn Thái T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Nguyễn Thái T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T đã không chấp hành việc có mặt theo giấy

triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thái T, xét thấy: Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng là quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo trình tự thủ tục tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thái T, thấy rằng: Bà Mai Thị Ngọc D và ông Nguyễn Thái T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ngày 12/9/2018, nên hôn nhân của bà D và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chăm lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Từ tháng 06 năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên gay gắt, bà D và ông T không còn sống chung như vợ chồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập ông T đến làm việc và hòa giải nhưng ông không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ ông T không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn bà D về việc sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Trung N (giới tính: Nam) sinh ngày 03/12/2018. Thấy rằng, cháu N hiện nay

đang sinh sống ổn định với bà D và cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Do đó để đảm bảo quyền lợi của cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho cháu N. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà D có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Thái Trung N, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà D trình bày trong thời gian chung sống giữa bà và ông T không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà D phải nộp theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Thái T

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Mai Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thái Trung N (giới tính: Nam) sinh ngày 03/12/2018. Ông Nguyễn Thái T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Thái T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Thái Trung N, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Ngọc D phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng. Sau khi căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai số 0000607 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 9, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Tài